

Nội dung bài viết

1. [Soan Unit 3 Language Focus trang 39 lớp 7 Friends plus](#)

## Soan Unit 3 Language Focus trang 39 lớp 7 Friends plus

**1 (trang 39 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Choose the correct option a or b. Then check your answers in the text on page 38. (Chọn phương án đúng a hoặc b. Sau đó, kiểm tra câu trả lời của bạn trong phần văn bản ở trang 38.)

**Đáp án:**

1. a 2. b 3. a 4. a

**Hướng dẫn dịch:**

1. Jade đã nhìn thấy các Kim tự tháp ở đâu? - Ở Ai Cập.
2. Những con khủng long trông không thân thiện.
3. Cô ấy đã ăn tối với Nữ hoàng Victoria ở London.
4. Jade có xem một trận bóng đá ở Brazil không? - Có.

**2 (trang 39 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Study the sentences in exercise 1. Then choose the correct words in the Rules. (Nghiên cứu các câu trong bài 1. Sau đó chọn các từ đúng trong Quy tắc.)

### RULES

- 1 The past simple form of a verb is **the same / different** for all persons.
- 2 In negative sentences, we use *didn't* + the **base / past simple** form of the verb.
- 3 In questions, we use (question word) *did* + subject + the **base / past simple** form of the verb.

**Đáp án:**

1. the same	2. base	2. base
-------------	---------	---------

**Hướng dẫn dịch:**

1. Dạng động từ của thì quá khứ đơn là giống nhau ở mọi chủ ngữ.
2. Trong câu phủ định, chúng ta dùng “didn’t + V nguyên thể”
3. Trong câu hỏi, ta dùng “(từ để hỏi) + did + S + V nguyên thể?”

**3 (trang 39 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Order the words to make sentences and questions. (Sắp xếp các từ để đặt câu và câu hỏi.)

**Đáp án:**

1. Did Jade talk to her grandparents?
2. Do you like rice or noodles/ noodles or rice?
3. Jim visited Nha Trang last summer.
4. Where did your parents meet?
5. We didn’t play football yesterday.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Ngọc có nói chuyện với ông bà ngoại không?
2. Bạn thích cơm hay mì / mì hay cơm?
3. Jim đến thăm Nha Trang vào mùa hè năm ngoái.
4. Bố mẹ bạn đã gặp nhau ở đâu?
5. Chúng tôi đã không chơi bóng đá vào ngày hôm qua.

**4 (trang 39 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Rhythm and intonation

**Read the sentences in exercise 3, paying attention to the rhythm and intonation. Listen and check. (Đọc các câu trong bài tập 3, chú ý đến nhịp điệu và ngữ điệu. Nghe và kiểm tra.)**

**Gợi ý:**

Học sinh tự nghe, đọc và kiểm tra.

**5 (trang 39 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Read the Study Strategy. Follow instructions 1-3 (Đọc Chiến lược Nghiên cứu. Làm theo hướng dẫn 1-3)

## STUDY STRATEGY

### Learning irregular verbs

- 1 Find ten past tense verbs in exercise 1 on page 38.
- 2 When you find a new verb, check the irregular verbs list on page 127. Then add the verb to your list.
- 3 Memorise five irregular verbs every week.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Tìm 10 động từ quá khứ đơn trong bài 1 trang 38.
2. Khi bạn thấy một động từ mới, kiểm tra danh sách động từ bất quy tắc trang 127. Sau đó thêm động từ vào danh sách của bạn.
3. Ghi nhớ 5 động từ bất quy tắc mỗi tuần.

**6 (trang 39 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Complete the text with the past simple form of the verbs in brackets (Hoàn thành văn bản với dạng quá khứ đơn của các động từ trong ngoặc)

**Đáp án:**

1. travelled	2. took	3. arrived	4. didn't have	5. started
6. didn't have	7. got	8. didn't play	9. lost	10. wasn't

### Hướng dẫn dịch:

Thứ bảy tuần trước tôi đã đi xem một trận bóng đá với bạn bè. Chúng tôi di chuyển bằng xe buýt và cuộc hành trình mất hai giờ. Chúng tôi đến muộn nên không có thời gian ăn trưa. Nửa tiếng sau trời bắt đầu mưa, tôi không có áo khoác nên rất ướt. Đội của chúng tôi chơi không tốt. Họ thua 5-0. Đó không phải là một ngày tốt.

**7 (trang 39 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)** Work in pairs. Ask and answer about your recent past events (Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về các sự kiện trong quá khứ gần đây của bạn)

### Gợi ý:

- Did you have pizza last night?

- No, I didn't. I had noodles.

### Hướng dẫn dịch:

- Bạn đã ăn pizza tối qua hả?

- Không, tôi không có. Tôi đã ăn mì.